

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2019

*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1971

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976

Cùng trú tại: Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Hoàng Thị L kết hôn với nhau năm 1994, có đăng ký tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất và

tại UBND xã S cũng không còn sổ lưu về việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị L. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình và hạnh phúc được khoảng 3 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn năm 2009 chị L đi xuất khẩu lao động, khi chị sang đó được vài năm thì anh thấy chị ít liên lạc và tình cảm phai nhạt dần. Từ đó anh chị luôn xảy ra bất đồng quan điểm, khi chị L về nước thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Hiện anh chị chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay anh L thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại nên anh giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Anh L xác nhận anh và chị L có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Tiến Th sinh ngày 10/01/1996 và Nguyễn Anh T sinh ngày 10/01/2004. Hiện cháu Thành đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Anh T anh tôn trọng ý kiến của cháu và xin tự thỏa thuận với chị L về việc nuôi dưỡng cháu Anh Tuấn.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh xin tự thỏa thuận với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của bị đơn chị Hoàng Thị L: Được thể hiện trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị L xác định thời điểm kết hôn và chung sống như anh L trình bày là đúng. Theo chị vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn chị đi làm ăn xa, thời gian chị đi làm ăn thì tình cảm vợ chồng phai nhạt, dẫn đến những va chạm mâu thuẫn xảy ra. Khi chị về nước thì tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Nay anh L xin tuyên bố không công nhận là vợ chồng với chị thì chị cũng đồng ý vì chị cũng xác định không còn tình cảm với anh L.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh L có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Tiến Th sinh ngày 10/01/1996 và Nguyễn Anh T sinh ngày 10/01/2004. Hiện cháu Thành đã trưởng thành tự lập được. Còn cháu Nguyễn Anh T chị cũng tôn trọng ý kiến của cháu và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu, còn việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Anh T: Cháu xin được ở với chị L, vì cháu xác định chị L quan tâm và lo lắng cho cháu nhiều hơn.

Quan điểm của UBND xã S thể hiện tại biên bản xác minh ngày 26/6/2019 với Tòa án nhân dân huyện N như sau: UBND xã S xác nhận chị L và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có thực hiện việc cưới hỏi theo phong tục địa phương. Về việc thực hiện đăng ký kết hôn thì hiện nay tại UBND không còn hồ sơ lưu trữ cũng như không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa anh L và chị L. Mâu thuẫn giữa anh L và chị L là có thật. Vì vậy quan điểm của ủy ban đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết các vấn đề có liên quan trong vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: đề nghị HĐXX: Căn cứ điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến L. Xử không công nhận anh Nguyễn Tiến L và chị Hoàng Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/01/2004 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. Về án phí ly hôn: anh Nguyễn Tiến L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến L và chị Hoàng Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1994, anh chị khai có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, anh chị cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã S cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh anh L và chị L đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc anh L và chị L sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh L yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Tiến Th sinh ngày 10/01/1996 và Nguyễn Anh T sinh ngày 10/01/2004. Hiện cháu Thành đã trưởng thành tự lập được nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Anh T cháu có nguyện vọng được ở với chị L, chị L và anh L cũng thống nhất chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Sau khi xem xét điều kiện kinh tế của chị L cũng như nguyện vọng của các bên, HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 10/01/2004 cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo L ích về mọi mặt cho cháu Anh Tuấn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến L.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tiến L và chị Hoàng Thị L

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 10/01/2004 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Tiến L phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000180 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: anh L và chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh